

Số: **04** /2019/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **15** tháng **02** năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất,  
đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 207/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính Quy định về xác định tiền thuê đất đối với công ty nông, lâm nghiệp sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;*

*Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên), đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm.**

1. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm đối với các trường hợp được quy định như sau:

TT	Loại đất, địa bàn	Tỷ lệ %		
		Dự án đầu tư thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư	Dự án đầu tư thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư	Dự án đầu tư thuộc ngành nghề còn lại
1	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ			
1.1	Thành phố Đông Hà:	0,75	0,85	1,2
1.2	Thị xã Quảng Trị	0,70	0,80	1,1
1.3	Địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (các huyện trừ huyện Hướng Hóa, Đakrông và huyện Đảo Cồn Cỏ và các đảo thuộc tỉnh)	0,55	0,65	0,85
1.4	Địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn (Huyện Hướng Hóa và Đakrông, huyện Đảo Cồn Cỏ và các đảo thuộc tỉnh)	0,5	0,6	0,75
2	Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:	0,5	0,5	0,5
3	Khu công nghiệp, khu chế xuất (được thành lập lập theo quy định của chính phủ được áp dụng ưu đãi đầu tư như địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn)			
3.1	Khu công nghiệp Nam Đông Hà	0,5	0,65	0,85
3.2	Khu công nghiệp Quán Ngang	0,5	0,65	0,85

4	Khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của chính phủ được áp dụng ưu đãi đầu tư như địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn)			
4.1	Khu kinh tế Đông Nam	0,5	0,5	0,5
4.2	Khu thương mại Lao Bảo	0,5	0,5	0,5

2. Đơn giá thuê đất đối với đất được nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất).

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.


**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2019, thay thế Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2015 và Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá thuê đất và giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TM, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chính